

Bản án số: 554/2023/HS-PT

Ngày: 29-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Ngọc Thái**

Các thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại Điểm cầu thành phần Hội trường xét xử, Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cơ sở tạm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh; địa chỉ: Khu T xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi), Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 515/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Văn Q và Phạm Văn P về tội “*Giết người*” do có kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo có kháng cáo

1. Phạm Văn Q, sinh ngày 03/10/2005 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: TDP U, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: H're; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 09/02/2022 bị Công an thị trấn B, huyện B xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 01/QĐ-XPHC về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức phạt tiền số tiền: 750.000đồng. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị bắt tạm giam từ ngày 01/5/2023. Có mặt.

2. Phạm Minh P1, sinh ngày 15/12/2006 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn L - D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: H're; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người đại diện theo pháp luật của các bị cáo:

1. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1983; bà Phạm Thị T, sinh năm 1986 (Cha mẹ đẻ của bị cáo Phạm Văn Q). Ông Đ có mặt.

Địa chỉ: TDP U, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1986; bà Phạm Thị N, sinh năm 1988 (Cha mẹ đẻ của bị cáo Phạm Minh P1). Đều có mặt.

Địa chỉ: Thôn L - D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Phạm Văn Q: Ông Đoàn Nhật N1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q. Có mặt.

- Người bào chữa theo luật định cho các bị cáo Phạm Minh P1: Bà Hồng Thị T1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số F, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 24/4/2022, trong lúc dự đám cưới tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thì Phạm Văn Q xảy ra mâu thuẫn với một nhóm thanh niên (Chưa rõ lai lịch) ở xã B. Do bức tức nên Phạm Văn Q bàn bạc với Phạm Quốc H đánh lại nhóm thanh niên có mâu thuẫn với Q thì H đồng ý. Sau đó, Q gọi điện thoại rủ Phạm Văn N2, Phạm Minh P1 và Phạm Văn T2 cùng đi thì N2, P1, T2 đều đồng ý. Lúc này, N2 và P1 đang ở nhà của N2 thì N2 ra sau nhà lấy 01 cây tuýp sắt (Dài 1,3m, đường kính 02cm, bị cong một đầu) để trên ống pô xe mô tô 76K1-174.39 rồi điều khiển xe chở P1 đến thôn L, xã B theo lời Q chỉ dẫn trước đó. Khi N2 và P1 đến nơi thì gặp Q và H từ trong đám cưới đi ra, Q kể lại việc mâu thuẫn với nhóm thanh niên xã B cho N2 và P1 nghe và rủ N2 và P1 vào trong đám cưới đánh nhau thì tất cả đồng ý. Tiếp đó, N2 đem cây tuýp sắt cất giấu rồi cả nhóm đi đến ngã ba đường đi xã B để đón T2. Khi T2 tới thì Q, N2, P1, H, T2 cùng bàn bạc thống nhất xông vào đánh nhau với nhóm thanh niên xã B. N2 điều khiển xe mô tô 76K1- 174.39 chở Q và H còn T2 điều khiển xe mô tô 76K1-141.90 chở P1. Khi đến chỗ cất giấu cây tuýp sắt thì N2 dừng lại lấy cây tuýp sắt để trên ống pô xe mô tô rồi tiếp tục đi. N2 chở Q và H chạy trước tới khu vực gần cổng trại cưới thì gặp Phạm Văn Đ1 (Là bạn bè quen biết từ trước với N2) từ trong đám cưới chạy ra nói với N2 là “Tao bị đánh”. Lúc này, N2, Q, H xông tới đánh nhau bằng tay với nhóm thanh niên xã B, Đ1 thì chạy vào dùng tay đánh 01 cái vào mặt người thanh niên đã đánh mình trước đó, còn T2 và P1 ngồi trên xe mô tô chờ bên ngoài. Trong lúc đánh nhau, H bị Phạm Văn H1 dùng tay đánh và kẹp cổ. Thấy vậy, Quốc nhật 01 khúc cây dài

khoảng 1m chạy đến đánh 01 cái theo hướng từ trên xuống vào đầu của H1 rồi bỏ chạy. N2 sử dụng dây nịt đánh thì dây nịt bị rơi nên N2 chạy đến xe mô tô lấy cây tuýp sắt đã chuẩn bị trước đó rồi quay lại đánh nhau tiếp; N2 thấy Phạm Đăng H2 đang đứng quay lưng về phía Nam. N2 nghĩ Phạm Đăng H2 là đồng bọn với nhóm thanh niên có mâu thuẫn với Q nên N2 chạy tới cầm cây tuýp sắt bằng tay phải giơ lên cao đánh 01 cái theo hướng từ trên xuống trúng vào đầu của Phạm Đăng H2 rồi N2 vứt cây tuýp sắt xuống ruộng và bỏ chạy. P1 điều khiển xe mô tô 76K1- 174.39; T2 điều khiển xe 76K1-141.90 chở Q bỏ chạy; trên đường đi Q bảo T2 về nhà Q để Q lấy 01 khẩu súng còn tự chế rồi quay lại hiện trường thì bị Phạm Văn S cùng nhóm thanh niên xã B đuổi đánh. Q và T2 bỏ xe mô tô 76K1-141.90 và khẩu súng còn tự chế tại hiện trường rồi bỏ chạy.

Sau khi bị đánh Phạm Đăng H2 bị chấn thương sọ não nên ngày 26/4/2022 đi khám tại Bệnh viện Đ2, sau đó chuyển Bệnh viện đa khoa tỉnh Q điều trị đến ngày 02/5/2022 xuất viện còn Phạm Văn H1 bị vết thương rách da vùng đầu nên đến Trung tâm y tế huyện B xử lý vết thương và xuất viện trong đêm 24/4/2022.

Kết luận giám định số 146/TgT ngày 23/5/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Q đối với thương tích của Phạm Đăng H2:

- + Ổ tổn thương não thùy trán phải: 26%.
- + Tụ máu ngoài màng cứng đỉnh phải: 8,14%.
- + Tụ máu vùng thái dương phải: 7,24%.
- + Nứt xương sọ: 5,86%.

Tổng cộng: 47,24%. Làm tròn = 47%.

+ Các tổn thương trên phù hợp với vật tày gây thương tích.

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 47%.

Kết luận giám định số 242/KLTTCT-TTPY ngày 10/4/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Q đối với thương tích của Phạm Văn H1:

+ Vùng đỉnh phải có vết rách da đã lành sẹo dài 2,3cm, rộng 0,3cm. Vết thương này do vật tày tác động gây nên, hướng từ trên xuống dưới

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT của Bộ Y, ngày 28/8/2019 quy định, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn H1 tại thời điểm giám định là 01%.

- Kết luận giám định số 332/KL-KTHS ngày 30/3/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận mẫu vật gửi giám định là các bộ phận của khẩu súng tự chế, sử dụng hơi còn, bắn đạn bi kim loại. Súng đã bị hỏng, gãy rời, mất một số bộ phận nên không còn sử dụng để bắn được. Vì vậy, không đủ cơ sở kết luận tầm bắn và tầm gây sát thương.

Đối với Phạm Văn Đ1: Khi thấy nhóm bị can Phạm Văn N2 đến thì Đ1 nói với N2 là “Tao bị đánh” và chỉ tay vào trong trại cưới, sau đó Đ1 chạy vào

trại cưới dùng tay đánh người thanh niên đã đánh mình trước đó chứ không tham gia bàn bạc, thống nhất cùng với các bị can Q, H2, N2, P1, T2 trước khi đánh nhau; Đ1 cũng không thấy bị can N2 cầm cây tuýp sắt trước khi xông vào đánh nhau. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm đối với Phạm Văn Đ1 là có căn cứ.

Đối với hành vi đập phá xe mô tô 76K1- 141.90: Qua điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch của người đập phá xe mô tô 76K1- 141.90, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với hành vi gây thương tích cho Phạm Văn H1: Khi thấy anh Phạm Văn H1 dùng tay kẹp cổ Phạm Quốc H thì bị can Phạm Văn Q dùng khúc cây đánh 01 cái vào vùng đầu của Phạm Văn H1 làm anh H1 bị thương tích 01%. Tuy nhiên, lực tấn công của Q không mạnh, không quyết liệt nên anh H1 chỉ bị vết thương rách da, sau khi đánh anh H1 thì Q bỏ chạy không có ý định tước đoạt tính mạng của anh H1. Mặt khác, anh H1 không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý Phạm Văn Q về tội cố ý gây thương tích cho anh Phạm Văn H1.

Đối với hành vi chế tạo, tàng trữ súng cò: Phạm Văn Q có hành vi dùng súng này đe dọa nhóm thanh niên xã B không cấu thành tội phạm nên không đề xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo, Phạm Văn Q, Phạm Minh P1 phạm tội “*Giết người*”.

Áp dụng: điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 01/5/2023).

Áp dụng: điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; khoản 2 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh P1 01 (Một) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác trong vụ án, phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2023, đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Minh P1 và bị cáo Phạm Minh P1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/9/2023 đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn Q có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Văn Q; người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Minh P1 và bị cáo Phạm Minh P1: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù .

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Sau khi nghe: bị cáo trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án; căn cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm: các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Minh P1; khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: ngày 24/4/2022, xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất tại đám cưới thuộc thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, Phạm Văn Q đã rủ các bị cáo Phạm Văn N2, Phạm Quốc H, Phạm Minh P1, Phạm Văn T2 và thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi đánh nhóm thanh niên xã B. Trong đó bị cáo Phạm Văn N2 dùng 01 cây tuýp sắt đánh vào vùng đầu của anh Phạm Đăng H2 gây thương tích với tỷ lệ qua giám định là 47%.

Các bị cáo là người đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, biết việc dùng tuýp bằng sắt đánh vào vùng đầu anh Phạm Đăng H2 là những vị trí trọng yếu trên cơ thể của người bị hại có khả năng dẫn đến hậu quả chết người nhưng bị cáo vẫn tham gia và thực hiện. Người bị hại không chết là do được cấp cứu kịp thời. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng nguy hiểm cho xã hội, xâm hại tính mạng của người khác, thể hiện việc coi thường pháp luật, không chỉ gây thiệt hại về sức khỏe cho bị hại mà còn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo thực hiện hành vi đối với bị hại Phạm Đăng H2 là người dưới 16 tuổi (15 tuổi 7 tháng 02 ngày). Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Minh P1 phạm tội “Giết người”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b,n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Minh P1 thì thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo Phạm Minh P1 là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự Bị cáo Phạm Văn Q là người có nhân thân xấu: có 01 tiền sự: ngày 09/02/2022 bị Công an thị trấn B, huyện B xử phạt vi phạm hành chính

theo Quyết định số 01/QĐ-XPHC về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức phạt tiền số tiền: 750.000đồng. Bị cáo đã chấp hành xong; tiền án: không có

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: không có

- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, gia đình các bị cáo có công với cách mạng. Tại phiên tòa, bị hại, đại diện theo pháp luật của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bản án sơ thẩm đã áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ.

[2.1] Đối với bị cáo Phạm Văn Q:

Bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên (16 tuổi 6 tháng 21 ngày) nhưng có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất trong lúc dự đám cưới mà bị cáo đã rủ các bị cáo khác cùng tham gia đánh nhau, bị cáo là người khởi xướng và thực hành tích cực.

[2.2] Đối với Phạm Minh P1.

Bị cáo Phạm Minh P1 khi phạm tội là người chưa thành niên (Bị cáo P1 15 tuổi 4 tháng 09 ngày) nhưng có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo P1 không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng sau khi nghe bị cáo Phạm Văn Q rủ đi đánh nhóm thanh niên xã B thì các bị cáo đồng ý, trong đó có bị cáo P1 cũng đồng ý. Các bị cáo có vai trò là người giúp sức, hỗ trợ về mặt tinh thần cho bị cáo Phạm Văn N2 thực hiện hành vi. Bị cáo H2 trực tiếp tham gia đánh nhau với nhóm thanh niên xã B, các bị cáo P1, T2 ngồi trên xe mô tô đợi chờ các bị cáo tẩu thoát sau khi đánh nhau.

Các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Minh P1, tuy không trực tiếp gây thương tích cho bị hại Phạm Đăng H2 nhưng hành vi của bị cáo thực hiện là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Phạm Văn N2 thực hiện hành vi. Sau khi bị cáo N2 đánh xong thì các bị cáo tẩu thoát khỏi hiện trường, bỏ mặc hậu quả xảy ra nên phải chịu chung trách nhiệm hình sự mà do bị cáo N2 gây ra.

Các bị cáo thực hiện hành vi đối với bị hại Phạm Đăng H2 là người dưới 16 tuổi (15 tuổi 7 tháng 02 ngày).

[3] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương nên áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên, hành vi các bị cáo thực hiện chưa xảy ra hậu quả chết người là thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, tại thời điểm phạm tội các bị cáo Phạm Văn Q là người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, bị cáo Phạm Minh P1 là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi .

Do đó, Bản án sơ thẩm khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

đối với các bị cáo áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Văn Q. Áp dụng quy định tại điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; khoản 2 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Minh P1: quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà các bị cáo đã phạm (*quy định tại điểm b, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015 có mức hình phạt tù “từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình”*) xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 05 năm tù và xử phạt bị cáo Phạm Minh P1 01 năm 06 tháng tù về tội “Giết người” là tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xuất trình: Đơn của người đại diện theo pháp luật của người bị hại về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và giấy xác nhận về việc các bị cáo tiếp tục bồi thường xong số tiền mà bị cáo phải bồi thường theo quyết định của Bản án sơ thẩm, cụ thể: bị cáo Q bồi thường thêm được 19.000.000 đồng, bị cáo P1 bồi thường thêm được 5.000.000 đồng cho bị hại. Đây là nghĩa vụ mà các bị cáo phải thực hiện và cũng là tình tiết giảm nhẹ thêm hình phạt cho các bị cáo được xem xét.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bản án sơ thẩm đã xem xét đối với việc người đại diện theo pháp luật của người bị hại về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và việc các bị cáo tích cực bồi thường thiệt hại để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên không tiếp tục áp dụng. Mức hình phạt đối với các bị cáo nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm đã tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, những người đại diện hợp pháp về việc xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định Bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên đại diện hợp pháp của các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo và giữ nguyên quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Áp dụng: điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q 05 (Năm) năm tù về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 01/5/2023).

- Áp dụng: điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; khoản 2 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh P1 01 (Một) năm 06 (S1) tháng tù về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Minh P1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái